

Bản án số: 15 /2026/HNGĐ – ST

Ngày 25 tháng 3 năm 2026.

“ V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Duy Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Láo Tả;

2. Bà Giàng Thị Lan;

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 -Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Lã Chúc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2025/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026; Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lù Thị V, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1989;

Địa chỉ: Thôn VDS2, xã TV, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Giàng A D, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1988;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn VDS2, xã TV, tỉnh Lào Cai.

Hiện đang thi hành án phạt tù tại Đội 37, PT4TGNL - C10 Bộ Công an.

Địa chỉ: Xã TY, tỉnh Bắc Ninh.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 20/11/2025 và trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn chị Lù Thị V trình bày:

Chị và anh Giàng A D kết hôn với nhau có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã SPA, huyện SP, tỉnh Lào Cai, nay là xã TV, tỉnh Lào Cai vào ngày 13/11/2013.

Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống và nuôi dạy con. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không khắc phục được. Do mãi chơi nên anh Giàng A D đã bị Tòa án nhân dân thị xã SP, tỉnh Lào Cai tuyên phạt 3 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và chấp hành án tại TGNL - Cục C10 - Bộ Công an. Quá trình thi hành án phạt tù, chị không vào thăm lần nào, vì vậy tình cảm bị nhạt dần. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Giàng A D sinh được 3 người con chung, cháu thứ nhất Giàng Ngọc G, sinh ngày 11/01/2013; Cháu thứ hai Giàng Xuân T, sinh ngày 19/7/2015 và cháu thứ ba Giàng Ngọc S, sinh ngày 19/7/2015. Hiện nay cả 3 cháu đang sống với chị. Do anh D đang thi hành án vì vậy chị có nguyện vọng nuôi cả 3 cháu, không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Giàng A D không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 01 năm 2026 bị đơn anh Giàng A D trình bày:

Anh và chị Lù Thị V kết hôn với nhau có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã SPA, huyện SP, tỉnh Lào Cai, nay là xã TV, tỉnh Lào Cai vào ngày 13/11/2013.

Sau khi kết hôn, anh, chị sống với nhau hạnh phúc được thời gian. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, nay chị Việt có đơn ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn, nếu chị Việt cương quyết ly hôn anh đề nghị giải quyết theo qui định của pháp luật, hiện anh đang chấp hành án phạt tù không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, anh đề nghị vắng mặt tất cả các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

Về con: Trong thời gian chung sống, vợ chồng sinh được 03 người con chung, cháu thứ nhất Giàng Ngọc G, sinh ngày 11/01/2013; Cháu thứ hai Giàng Xuân T, sinh ngày 19/7/2015 và cháu thứ ba Giàng Ngọc S, sinh ngày 19/7/2015. Hiện nay cả 3 cháu đang sống với chị. Khi ly hôn vì anh đang chấp hành án phạt tù, vì vậy anh đồng ý để chị Việt nuôi dưỡng cả 3 con đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Lào Cai có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo quy định pháp luật. Thư ký phiên toà, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lù Thị V được ly hôn anh Giàng A D.

Về con chung: Giao 3 cháu, cháu thứ nhất Giàng Ngọc G, sinh ngày 11/01/2013; Cháu thứ hai Giàng Xuân T, sinh ngày 19/7/2015 và cháu thứ ba Giàng Ngọc S, sinh ngày 19/7/2015 cho chị Lù Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Giàng A D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lù Thị V không yêu cầu anh Giàng A D cấp dưỡng tiền nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Anh, chị không yêu cầu giải quyết.

Chị Lù Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Giàng A D trước khi đi thi hành án phạt tù có địa chỉ tại thôn VDS2, xã TV, tỉnh Lào Cai. Như vậy Tòa án nhân dân Khu vực 7- Lào Cai thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 35 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Chị Lù Thị V và anh Giàng A D có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Lù Thị V và anh Giàng A D.

[2] Chị Lù Thị V và anh Giàng A D kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã SPA, huyện SP, tỉnh Lào Cai, nay là xã TV, tỉnh Lào Cai vào ngày 13/11/2013 trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Xét đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn trình bày thì Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống và nuôi dạy con. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không khắc phục được. Anh Giàng A D đã bị Tòa án nhân dân thị xã SP, tỉnh Lào Cai tuyên phạt 3 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma

túy và chấp hành án tại TGNL - Cục C10 - Bộ Công an. Quá trình thi hành án thì chị không vào thăm anh D lần nào, chính vì vậy tình cảm bị nhạt dần. Bản thân anh D cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đề nghị để đến khi anh Thi hành án xong về sẽ giải quyết. Xét thấy mâu thuẫn của anh, chị là có thật, không thể khắc phục được. Nay chị Việt xin ly hôn là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của chị Việt, không chấp nhận yêu cầu của anh D là để đến khi thi hành án xong mới giải quyết, áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Lù Thị V được ly hôn anh Giàng A D.

[4] Về con: Trong quá trình chung sống anh, chị sinh được 03 người con chung, cháu thứ nhất Giàng Ngọc G, sinh ngày 11/01/2013; Cháu thứ hai Giàng Xuân T, sinh ngày 19/7/2015 và cháu thứ ba Giàng Ngọc S, sinh ngày 19/7/2015. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cả ba cháu đến tuổi trưởng thành.

Xét thấy anh Giàng A D đang thi hành án phạt tù, bản thân cả 03 cháu có nguyện vọng ở với mẹ, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lù Thị V, giao cả ba cháu cho chị Lù Thị V nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tiền cấp dưỡng nuôi con:

Chị Lù Thị V không yêu cầu anh Giàng A D cấp dưỡng tiền nuôi con chung, xét thấy yêu cầu của chị Việt là tự nguyện, vì vậy tạm thời anh Giàng A D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nuôi.

[6] Về tài sản: Chị Lù Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết, trong quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lù Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 35 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Lò Thị V được ly hôn anh Giàng A D. Quan hệ hôn nhân của chị Lò Thị V và anh Giàng A D chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con: Chị Lò Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung, cháu thứ nhất Giàng Ngọc G, sinh ngày 11/01/2013; Cháu thứ hai Giàng Xuân T, sinh ngày 19/7/2015 và cháu thứ ba Giàng Ngọc S, sinh ngày 19/7/2015 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời anh Giàng A D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Giàng A D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lò Thị V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án, phí lệ phí Tòa án số 0002202 ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu vực 7 - Lào Cai (2);
- Đương sự (2);
- UBND xã TV;
- THA DS khu vực 7 - Lào Cai;
- Lưu TA, VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Duy Chiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Duy Chiến

